

Số: /GM-BVĐK

Quảng Trị, ngày 14 tháng 01 năm 2025

GIẤY MỜI

Về việc báo giá Vật tư y tế mua sắm tại nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở xây dựng danh mục mua sắm vật tư y tế cho nhà thuốc bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ: 266 Hùng Vương, Phường Đông Lương, TP. Đông Hà, Quảng Trị

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Nguyễn Thị Minh Thuận, số điện thoại: 0913 411 151, email: minhthuan5012@gmail.com hoặc Nguyễn Thị Hương, số điện thoại: 0946 280 185, email: nguyenthihuong281@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp qua đường công văn
- Địa chỉ nhận: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, địa chỉ: 266 Hùng Vương, P.Đông Lương, TP.Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Gửi kèm file báo giá bản pdf và excel về địa chỉ email: minhthuan5012@gmail.com và nguyenthihuong281@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 14 tháng 01 năm 2025 đến trước 10h00 ngày 24 tháng 01 năm 2025
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Danh mục hàng hóa: đính kèm phụ lục I.

2. Bảng báo giá: đính kèm phụ lục II.

3. Gửi kèm theo Bảng báo giá là các Quyết định trúng thầu/ Thông báo trúng thầu của hàng hóa trong vòng 12 tháng trở lại đây làm căn cứ báo giá (nếu có). Hóa đơn bán hàng cho các cơ sở y tế, giấy chứng nhận chất lượng, pháp lý sản phẩm và bảng phân loại trang thiết bị y tế.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2025.

5. Địa điểm giao hàng: Tầng 1 - Khu nhà G - Khoa Dược - Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị.

6. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 5-7 ngày sau khi nhận được dự trừ.

7. Công ty cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

8. Các yêu cầu khác: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu của bệnh viện nêu trong danh mục và gửi kèm các tài liệu liên quan (nếu có).

Đề nghị các đơn vị/nhà cung cấp quan tâm có đủ năng lực, kinh nghiệm chào giá hàng hóa theo yêu cầu nêu trên.

Giấy mời chào giá được đăng tải trên website của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị (<https://benhvientinh.quangtri.gov.vn/> hoặc <https://quangtrihospital.vn/>) và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- P.TCKT;
- Lưu: VT, KD, 01.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Lâm

Phụ lục I
DANH MỤC DỰ KIẾN MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ
CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2025
(Kèm theo Giấy mời số /GM-BVĐK ngày 14 tháng 01 năm 2025
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo cột sống	các cỡ số	Cái	400
2	Băng bó sợi thủy tinh	Vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước Kích thước 10cm x 360cm	Túi	10.000
3	Băng cá nhân		Miếng	20.000
4	Băng cố định khớp vai trái hoặc phải	các cỡ số	Cái	2.000
5	Băng cố định tĩnh mạch trung tâm 9x11cm	Kích thước: 9 x 11 cm MVTR ở màng phim: 2377 g / 24 h / m ² MVTR ở viền của băng: 1298 g / 24 h / m ² Độ kết dính: 2,4 N / 20 mm Có thể co giãn theo hướng dọc của sản phẩm: 0,8 N / 6 mm	Miếng	20.000
6	Băng cố định 10cm x 10m	- Thành phần sản phẩm: Vải không dệt: trắng, 100% polyester, màng polyurethane với chất kết dính polyacrylate thân thiện với da (không có dẫn xuất màu và colophony) - Độ đàn hồi: Tính đàn hồi của làm cho nó thích - Kích thước: 10cm x 10m	Cuộn	2.000
7	Băng cuộn	Chất liệu: gạc y tế làm từ cotton 100%. Kích thước: 0,07m x 2m. Không tiết trùng.	Cuộn	10.000
8	Băng dán cố định ống dẫn truyền	Kích thước: 6 x 7,5 Độ kết dính: 2.3 N / 20 mm Khả năng mở rộng theo hướng dọc của sản phẩm: 0,6 N / 12 mm Hấp thụ: 13 g / 100 cm ²	Miếng	10.000
9	Băng dính cuộn vải lụa y tế	2- Kích thước: 2,5 cm x ≥ 5m -Nền : Vải dệt từ cellulose acetate (Taffeta). - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Lực dính 1,8-5,5 N/cm - Đạt tiêu chuẩn: CE.	cuộn	20.000
10	Băng dính lụa y tế	2,5cm x 9,1m	Cuộn	2.000
11	Băng dính lụa y tế	2,5cm x 5m	Cuộn	2.000
12	Băng dính vải.	Kích thước 25mm x 6m	Cuộn	2.000
13	Băng dùng trong phẫu thuật, băng bó vết thương, vết bỏng, vết loét các loại, các cỡ	Kích thước: 50 x 164 mm; 10cm x 10m; Được đựng trong từng bao riêng vô trùng.; 15cm x 10m; 9 x 12cm; 7.2 x 5cm; 9 x 5cm; 9 x 25cm	Miếng	10.000
14	Băng gạc tiết trùng	10 x 20 cm	Cuộn	2.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
15	Băng hấp thụ dịch tối ưu không có viền băng keo, 10 x 20 cm	Thành phần: Tấm thấm: polyetylen, polypropylen, xenlulo, natri polyacrylat (polyme siêu hấp thụ) lớp chất mang: màng polyurethane với chất kết dính polyacrylate thân thiện với da (không chứa colophony và các dẫn xuất colophony) - Kích thước: 10x20 cm	Miếng	4.000
16	Băng hấp thụ dịch tối ưu 10 x 10 cm	Thành phần: Tấm thấm: polyetylen, polypropylen, xenlulo, natri polyacrylat (polyme siêu hấp thụ) lớp chất mang: màng polyurethane với chất kết dính polyacrylate thân thiện với da (không chứa colophony và các dẫn xuất colophony) - Công nghệ tiết trùng được sử dụng: Khử trùng bằng Ethylenedioxide (EO) - Kích thước lỗ thấm trên lớp tiếp xúc: lớp tiếp xúc vết thương không dính làm bằng PE-foil (Polyetylen); kích thước lỗ 0,3mm ± 0,05; 280 lỗ / cm ² ; - Kích thước: 10x10 cm	Miếng	10.000
17	Băng keo	2.5cm x5m	Cuộn	2.000
18	Băng keo có gạc vô trùng , 7x5cm	- Khả năng hấp thụ dịch: 15+-5 g/100cm ²) - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/(m ² x24h) - Vải không dệt: polyester, màu trắng - Chất kết dính: polyacrylate - Lực kết dính: 2,5 -1/+2 N/20mm (đo nội bộ) - Miếng gạc: viscose, polypropylene and polyethylene - Lớp tiếp xúc vết thương: polyethylene - Giấy bọc: silicone paper, màu trắng - Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da - Khả năng hấp thụ dịch: 15+-5 g/100cm ² -- Kích thước: 7x5 cm	Miếng	8.000
19	Băng keo có gạc vô trùng , 8x10cm	- Khả năng hấp thụ dịch: 15+-5 g/100cm ²) - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/(m ² x24h) - Vải không dệt: polyester, màu trắng - Chất kết dính: polyacrylate - Lực kết dính: 2,5 -1/+2 N/20mm (đo nội bộ) - Miếng gạc: viscose, polypropylene and polyethylene - Lớp tiếp xúc vết thương: polyethylene - Giấy bọc: silicone paper, màu trắng - Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da - Khả năng hấp thụ dịch: 15+-5 g/100cm ² - Kích thước: 8x10 cm	Miếng	8.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
20	Băng keo có gạc vô trùng trong suốt	- Khả năng hấp thụ: 15+/-5 g/100cm ² - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m ² - Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (đo nội bộ) - Hàng rào chống virus: Có - Chống kích ứng: Keo polyacrylate ít gây dị ứng - Kích thước: 7x5 cm	Miếng	40.000
21	Băng keo có gạc vô trùng trong suốt 10x20cm	- Khả năng hấp thụ: 15+/-5 g/100cm ² - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m ² - Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (đo nội bộ) - Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide - Kích thước: 10 x 20 cm	Miếng	40.000
22	Băng keo có gạc vô trùng trong suốt 10x15cm	- Khả năng hấp thụ: 15+/-5 g/100cm ² - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m ² - Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (đo nội bộ) - Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide - Kích thước: 10x15 cm	Miếng	40.000
23	Băng keo có gạc vô trùng trong suốt 8x10cm	- Khả năng hấp thụ: 15+/-5 g/100cm ² - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m ² - Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (đo nội bộ) - Chống kích ứng: Keo polyacrylate ít gây dị ứng - Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide - Kích thước: 8x10 cm	Miếng	40.000
24	Băng keo có gạc vô trùng trong suốt, 10x25cm	- Khả năng hấp thụ: 15+/-5 g/100cm ² - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m ² - Chống kích ứng: Keo polyacrylate ít gây dị ứng - Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide - Kích thước: 10 x 25 cm	Miếng	40.000
25	Băng keo có gạc vô trùng, 10x15cm	- Khả năng hấp thụ dịch: 15+/-5 g/100cm ²) - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/(m ² x24h) - Vải không dệt: polyester, màu trắng - Chất kết dính: polyacrylate - Lực kết dính: 2,5 -1/+2 N/20mm (đo nội bộ) - Miếng gạc: viscose, polypropylene and polyethylene - Lớp tiếp xúc vết thương: polyethylene - Giấy bọc: silicone paper, màu trắng - Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da - Khả năng hấp thụ dịch: 15+/-5 g/100cm ² - Kích thước: 10x15 cm	Miếng	8.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
26	Băng keo có gạc vô trùng, 10x20cm	- Khả năng hấp thụ dịch: 15+-5 g/100cm ² - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/(m ² x24h) - Vải không dệt: polyester, màu trắng - Chất kết dính: polyacrylate - Lực kết dính: 2,5 -1/+2 N/20mm (đo nội bộ) - Miếng gạc: viscose, polypropylene and polyethylene - Lớp tiếp xúc vết thương: polyethylene - Giấy bọc: silicone paper, màu trắng - Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da - Khả năng hấp thụ dịch: 15+-5 g/100cm ² - Kích thước: 10x20 cm	Miếng	8.000
27	Băng keo có gạc vô trùng, 10x25cm	- Khả năng hấp thụ dịch: 15+-5 g/100cm ² - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/(m ² x24h) - Vải không dệt: polyester, màu trắng - Chất kết dính: polyacrylate - Lực kết dính: 2,5 -1/+2 N/20mm (đo nội bộ) - Miếng gạc: viscose, polypropylene and polyethylene - Lớp tiếp xúc vết thương: polyethylene - Giấy bọc: silicone paper, màu trắng - Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da - Khả năng hấp thụ dịch: 15+-5 g/100cm ² - Kích thước: 10x25 cm	Miếng	8.000
28	Băng keo thun co giãn có keo dán cố định xương	10cmx 4.5m	Cuộn	2.000
29	Băng thun 3 móc	10cm x 4m	Cuộn	4.000
30	Bộ bao chi phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch, loại một khoan bấm chân	Bao chi bấm chân <43 cm, phòng ngừa huyết khối, dạng 1 khoang Chất liệu Airflow Light, chỉ số thoáng khí 12.5m ² Pa/W , chỉ số giảm nhiệt TOG 0.8	Đôi	1.000
31	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo loại một phần cho người lớn	Có bộ lọc khí, khóa cuộn	Bộ	6.000
32	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo loại một phần cho người lớn, dùng kẹp	Phần đế dán vào da có độ pH giống như da từ 4,0 - 5,5, giúp bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo và không gây dị ứng. - Túi chứa phân trắng trong giúp dễ dàng nhìn thấy chất thải ra từ hậu môn nhân tạo. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, ISO	Cái	4.000
33	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo, đế bằng 70mm	Đế dán vào da có độ pH giống như da từ 4,0 - 5,5 - Với thành phần Hydrocolloid, có cấu trúc liên kết vật lý SIS (Styrene-Isoprene-Styrene), -Kích cỡ: 70mm Chất liệu: Hydrocolloid Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, ISO	Cái	4.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
34	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo, túi phân 70mm	Túi chứa phân sử dụng kẹp, sử dụng với đế, có phần kết nối với đế, trọng lượng túi nhẹ, có màng phía sau túi giúp túi không bị dính vào da, tạo cảm giác thoải mái khi mang túi. - Túi trắng trong giúp dễ dàng nhìn thấy chất thải ra từ hậu môn nhân tạo. Chất liệu: Vinyl Kích cỡ: 70mm Tiêu chuẩn: FDA, ISO	Cái	4.000
35	Bộ dây truyền dịch		Bộ	20.000
36	Bộ điều trị hút áp lực âm (có 03 miếng phim 10x 25cm)	- 01 xốp vết thương kích thước 10 x 15 x 3cm - 01 đệm dán dẫn lưu - 01 giấy gói 68x70cm	Bộ	1.000
37	Bộ điều trị hút áp lực âm (có 05 miếng phim 10x 25cm)	- 01 xốp vết thương kích thước 25 x 15 x 3cm - 01 đệm dán dẫn lưu - 01 giấy gói 68x70cm	Bộ	1.000
38	Bơm nhựa 50ml	dùng để cho ăn	Cái	4.000
39	Bơm tiêm nhựa 10ml + Kim 23 G		Cái	60.000
40	Bơm tiêm nhựa 5ml + Kim 23 G		Cái	100.000
41	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	kim 26G	Cái	2.000
42	Bơm truyền dịch tự động có P	Dung tích ≥ 275 ml, có ≥ 15 tốc độ dòng, bước tăng tốc độ 1ml; có khoá an toàn cho việc điều chỉnh tốc độ dòng truyền chính xác; Vạch chia trên thân bơm. Có nút bấm liều bolus 1ml/15 phút Cấu tạo gồm: Van bơm thuốc 1 chiều; bóng gia áp silicon; bình bảo vệ nhựa chịu áp lực; ống dây bảo vệ chịu áp lực; bộ thanh trượt điều khiển; màng lọc tạp và khí kích thước 1,2 μ m, dây đeo bơm trên người.	Cái	200
43	Bông gạc đắp vết thương vô trùng	8cm x 15cm	Cái	20.000
44	Bông y tế 50g		Gói	10.000
45	Bột chống loét	- Thành phần: Pectin, gelatin và carboxymethylcellulose với tỷ lệ tương đương nhau giúp ổn định độ pH ở vùng da bị tổn thương. - Đặc tính: Chiết xuất tự nhiên, dạng bột, hút ẩm, chống kích ứng và bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo. - Trọng lượng: 28.3g - Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, ISO	Chai	2.000
46	Bột pha hỗn dịch nhuận tràng	Thành phần trong 100g: Macroglol 3350, tác dược: Silicon dioxide; Sodium saccharin; hương thực phẩm	Hộp/Gói	10.000
47	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Natri hyaluronate: 40mg, Sorbitol: 80mg	Ống	600

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
48	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Natri hyaluronate: 80mg Sorbitol: 160mg	Ống	400
49	Chất làm đầy, bôi trơn khớp (dạng tiêm) 1,0%	Natri Hyaluronate và Natri Clorua, Disodium Hydro Phosphate, Natri Dihydrogen Phosphate và nước pha.	Ống/bơm	400
50	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Mỗi ống tiêm 4ml chứa: natri hyaluronate chuỗi trung bình (1200-1500 kdalton) ở nồng độ 2%	Ống	600
51	Đai số 8	các cỡ số	Cái	400
52	Đai thắt lưng	các cỡ số	Cái	400
53	Đai xương sườn	các cỡ số	Cái	400
54	Dụng cụ cố định nội khí quản, có chống cắn	-Hai miếng dán cố định hai bên má bệnh nhân, bằng chất liệu hydrocolloid -Băng cố định vùng gáy. -Phần cố định nội khí quản, có thể di chuyển được. Có bộ phận chống cắn ống nội khí quản - Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, ISO	Cái	10.000
55	Dụng cụ phát hiện thai sớm		Cái	2.000
56	Dung dịch dùng ngoài	Mỗi 200ml chứa: Hyaluronic Acid 0.1%, Nano Silver 0.5%, Dexpanthenol 0.1%, Ancol Ethylic 10%, Nước tinh khiết vừa đủ	Chai	4.000
57	Dung dịch gây tê	Lidocain (Lidocain base) (10%) Propylen glycol Dung tích $\geq 20\text{mL}$	Lọ	2.000
58	Dung dịch Natriclorid 0,9%		Chai	10.000
59	Dung dịch PVP 10%	Povidone iodine 10% $\geq 20\text{ml}$	Chai/lọ	4.000
60	Dung dịch PVP 10%	Povidone iodine 10% $\geq 100\text{ml}$	lọ	4.000
61	Dung dịch rửa vết thương	Hypochlorous acid 0,035% (350ppm). Nước tinh khiết (Purified water), Nacl , NaClO, ClO2, OH , O3. Chai 500ml	Chai	4.000
62	Dung dịch rửa vết thương	Hypochlorous acid 0,035% (350ppm). Nước tinh khiết (Purified water), Nacl , NaClO, ClO2, OH , O3. Chai 200ml	Chai	4.000
63	Dung dịch rửa vết thương	Berberin hydroclorid; Nano bạc; Thymol; Dung môi, phụ liệu khác, nước tinh khiết vừa đủ; 150ml	Chai	2.000
64	Dung dịch sát khuẩn	Thành phần: Polyhexamethylene biguanide (PHMB), chất kháng vi sinh (0,1%). Betaine, chất hoạt động bề mặt (0,1%).	Chai	1.000
65	Dung dịch sát khuẩn tay	- Thành phần: Ethanol: 75% - Phụ gia:- Hydrogenperoxide : 0,124% -Glycerine: 1,45% -Hương liệu và nước tinh khiết lọ 500ml	lọ	2.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
66	Dung dịch thực trực tràng	Trong mỗi 133ml có chứa: Monobasic natri phosphat monohydrat 21,41g; Dibasic natri phosphat heptahydrat 7,8g. Tá dược: dinatri edetat, benzalkonium chloride, nước tinh khiết.	lọ	10.000
67	Dung dịch thực trực tràng	Monobasic Natri phosphat monohydrat 21.41g Dibasic Natri phosphat Heptahydrat 7.89g	lọ	800
68	Dung dịch vệ sinh phụ nữ	Lactobacillus Ferment Extract, Dexpanthenol, Inulin, Allantoin, Aloe Vera Extract, Acid Lactic, Cocamidopropyl Betain, Glycerin, Cocamide Diethanolamine, Decyl Glucoside, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Disodium Edetate, Phenoxyethanol, Nước Dạng Gel Dung tích ≥ 200 ml	Lọ	2.000
69	Dung dịch xịt họng	Chlorhexidine digluconate (0.2%) Lidocain (0.2%) Dung tích ≥ 30 mL	Lọ	2.000
70	Dung dịch xịt mũi	Dung dịch xịt mũi Thành phần: Nước biển 15,91ml Thể tích ≥ 50 ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	4.000
71	Dung dịch xịt mũi	Natri clorid 13mg/ml, chiết xuất húng chanh, ammonium glycyrrhizinat (chiết xuất cam thảo), nước cất tinh khiết, tá dược. Dung tích ≥ 50 ml Công nghệ BOV	Lọ	4.000
72	Dung dịch xịt mũi 1,9%	Natri clorid 19mg/ml Dung tích 50ml Công nghệ BOV	Lọ	4.000
73	Dung dịch xịt mũi 0,9%	Natri clorid 9mg/ml . Dung tích ≥ 50 ml Công nghệ BOV	Lọ	4.000
74	Dung dịch xịt mũi 1,9%	Natri clorid 19mg/ml Dung tích ≥ 50 ml Công nghệ BOV	Lọ	4.000
75	Dung dịch xịt mũi cho trẻ từ 0	Dung dịch xịt mũi cho trẻ từ 0- 3 tuổi Thành phần: Nước biển $\geq 15,91$ ml Thể tích: ≥ 50 ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	4.000
76	Dung dịch xịt mũi cho trẻ từ 3 tháng - 3 tuổi	Thành phần: Nước biển 30ml + Cu pentahydrat + Mn monohydrat Thể tích: ≥ 50 ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	4.000
77	Dung dịch xịt mũi có các nguyên tố vi lượng	Dung dịch xịt mũi Thành phần: Nước biển ưu trương 37,5ml (lượng muối ~ 23 g/l) + Cu pentahydrat + Mn monohydrat Thể tích ≥ 50 ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	4.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
78	Dung dịch xịt mũi có đồng	Dung dịch xịt mũi Thành phần: Nước biển 15,91 ml + Cu pentahydrat Thể tích \geq 50ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	4.000
79	Dung dịch xịt mũi có Mangan	Dung dịch xịt mũi Thành phần: Nước biển 15,91 ml + Mn monohydrat Thể tích \geq 50ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	4.000
80	Dung dịch xịt mũi có muối sul	Dung dịch xịt mũi Thành phần: Nước biển 15,91ml + muối sulphur Thể tích \geq 50ml Dạng bào chế: Dung dịch	Chai	4.000
81	Dung dịch xịt tai	Natri clorid (muối biển) Natri bicarbonat Polysorbat Nước tinh khiết. Dung tích \geq 50mL	Lọ	2.000
82	Dung dịch xịt trĩ	Lidocain (dưới dạng Lidocain HCl), Phenylephrin HCl, Mono-Ammonium Glycyrrhizinat, dịch chiết lô hội (Aloe Barbadensis Leaf Juice), Allantoin, Natri Hyaluronat, Tocopheryl Acetat (vitamin E), Butylated hydroxytoluen, Menthol, Glycerin, Polysorbat 80, Acrysol K140 (PEG-40 Hydrogenated Castor Oil), Natri methyl p-hydroxybenzoat, Natri propyl p-hydroxybenzoat, nước tinh khiết Dung tích \geq 30ml	Lọ	2.000
83	Gạc băng hấp thu dịch tối ưu	Kích thước 10x10cm, 10x20cm, 20x20cm.	Miếng	10.000
84	Gạc chống dính	Gạc băng cotton dệt hình lưới & vaseline trắng được bọc lại bằng giấy kiếng. Kích thước 10x10cm.	Miếng	20.000
85	Gạc chống dính chứa Parafin 10*10cm		Miếng	4.000
86	Gạc đặt xung quanh ống mở khí quản	- Sản phẩm được đóng gói riêng và vô trùng + Dùng cho ống mở khí quản có đường kính ống là 12 - 19mm (31 - 50Fr). + Kích thước gạc: 8x9 cm	Miếng	20.000
87	Gạc Gel Siêu Oxy Hóa	Gạc vết thương polyester phủ gel siêu oxy hóa. Kích thước 18cm x 10cm	Miếng	2.000
88	Gạc hút dịch tạo gel diệt trùng 10x10cm	- Thành phần: Gạc hút dịch tạo gel-bao gồm sự kết hợp đồng nhất của sợi alginat canxi và sợi alginat bạc (1,5% ion bạc). + Sợi alginate bao gồm khoảng 60% axit mannuronic và khoảng 40% axit guluronic. - Kích thước: 10x10 cm	Miếng	10.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
89	Gạc hút dịch tạo gel diệt trùng 10x10cm	- Khả năng hấp thụ: dạng miếng gạc: 16,6 g / 100 cm ² dạng sợi: 15,98 g / 100 cm ² - Thành phần: Gạc hút dịch tạo gel- diệt trùng A + Ag bao gồm sự kết hợp đồng nhất của sợi alginate canxi và sợi alginate bạc (1,5% ion bạc). + Sợi alginate bao gồm khoảng 60% axit mannuronic và khoảng 40% axit guluronic. - Kích thước: 10x10 cm	Miếng	40.000
90	Gạc kháng khuẩn	Sợi calcium alginate và 1,5% ion bạc. Kích thước 10 x 10cm	Miếng	10.000
91	Gạc lưới tạo gel , 10x10cm	Thành phần: Vải tuyn lưới rộng: + Polyester (Polyethylene terephthalate) - Mắc lưới: + vaseline + dầu trắng y tế + sodium carboxymethyl cellulose antioxidant pentaerythritol tetrakis (3-(3,5-di-tert-butyl-4-hydroxyphenyl-propionat) - Nồng độ Hydrocolloid: 15% của khối lượng lớp phủ, 12% của tổng số lớp tiếp xúc vết thương; - Kích thước mắt lưới: 1,0 mm x 0,7 mm = 0,7 mm ² - Khử trùng: Băng được niêm phong riêng và vô trùng (khử trùng bằng chiếu xạ gamma). - Khoảng thời gian thay băng: + Tùy thuộc vào loại vết thương và quá trình lành của nó, băng có thể để lại trên vết thương trong thời gian ngắn hơn hoặc lâu hơn (tối đa là 7 ngày). - Tính chất khác + Hình thành một lớp gel từ dầu hỏa và các hạt hydrocolloid + Có thể sử dụng cả hai mặt + Có thể được cắt theo kích thước cho các kích cỡ khác nhau của vết thương và các vùng trên cơ thể + Thoát dịch tiết tốt vào lớp băng thứ cấp - Kích thước: 10x10cm	Miếng	6.000
92	Gạc Polyester phủ vaseline	Vải lưới từ Polyester không thấm nước; Dung dịch vaseline đặc. Kích thước 18cm x 10cm	Miếng	10.000
93	Gạc Vaseline	- Gạc không thấm được tẩm vaseline dùng để băng vết thương hở. - Kích thước 7cm x 40cm - Đạt Tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	10.000
94	Gạc y tế chưa tiệt trùng	5cm x 6.5cm x 12 lớp	Gói	20.000
95	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các cỡ		Bộ	20.000
96	Gel bôi chống sẹo	Tuýp 10g Polyme hydrogel (gel thấm nước), chiết xuất thảo dược cây dẻ gai, cây mộc liên, cây hắc mai, Dầu hạt quả macca, Natri hyaluronate, D-Panthenol, Tocopheryl acetate (Vitamin E), Elastin thủy phân, Aqua, cùng nhiều thành phần thảo dược tự nhiên	Tuýp	1.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
97	Gel bôi ngoài da	Nano Silver Honey Thyme Leaf Extra Dexpanthenol 2% Dung tích $\geq 5g$	Lọ	2.000
98	Gel bôi niêm mạc miệng	Lidocain hydroclorid 1% Chamomile Flower Extract (Dịch chiết hoa cúc)1% Lonicera Japonica Extract (Dịch chiết kim ngân) 1% Mono Ammonium Glycyrrhizinate (dịch chiết cam thảo) 0,05% Dung tích $\geq 10g$	Lọ	4.000
99	Gel bôi vết thương	Mỗi tuýp 28g chứa: Maltodextrin, Chlohexidin Gluconate, 3-0 Ethyl Ascorbic Acid, Nano Cucurmin, Glycerin, Nano Silver, Water	Hộp/Tuýp	1.000
100	Gel bôi vết thương hở	Nước, Sodium Acrylate Copolymer, Elastin thủy phân, Vitamin E, Sodium hyaluronate, Panthenol. Chiết xuất thảo dược từ dầu hạt Maca, Bơ Shea (Shea Butter), quả Hắc Mai Biển, rễ Liên Mộc, hạt Dẻ Ngựa. 30g	Tuýp	4.000
101	Gel bôi vết thương hở	Nước, Sodium Acrylate Copolymer, Elastin thủy phân, Vitamin E, Sodium hyaluronate, Panthenol. Chiết xuất thảo dược từ dầu hạt Maca, Bơ Shea (Shea Butter), quả Hắc Mai Biển, rễ Liên Mộc, hạt Dẻ Ngựa; 10g	Tuýp	4.000
102	Gel bôi vết thương	Nước, Glycerin, Carbomer, Sodium Hyaluronate, Vitamin E, Panthenol, Elastin thủy phân, Benzoic acid, Dehydroacetic acid, Ethylhexylglycerin, Triethanolamine, Phenoxyethanol, Propylene glycol, Pentylene glycol, Chiết xuất thảo dược từ dầu hạt Maca, quả Hắc Mai Biển, rễ Liên Mộc, hạt Dẻ Ngựa; 30ml	Tuýp	4.000
103	Gel ngừa và điều trị viêm da do xạ trị	Hydrocolloid; Arginine; Nước tinh khiết; Macrogol; Axit béo mạch nhánh (BCFA); Methyl-p- hydroxybenzoate (E218); Propyl-p-hydroxybenzoate (E216); Disodium EDTA. 100g	Tuýp	400
104	Gel ngừa và điều trị viêm da do xạ trị	Hydrocolloid; Arginine; Nước tinh khiết; Macrogol; Axit béo mạch nhánh (BCFA); Methyl-p- hydroxybenzoate (E218); Propyl-p-hydroxybenzoate (E216); Disodium EDTA. 40g	Tuýp	400

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
105	Gel rơ miệng	Chlorhexidine digluconate (dưới dạng chlorhexidine digluconate solution) 1% (kl/kl)	Tuýp	400
106	Gel trị liệu lạnh giảm đau	Nước, Alcohol Denat, Menthol, Dimethyl Sulfone (MSM), Glycerin, Eucalyptus Glubulus Leaf Oil, Mentha Piperita Oil, Acrylates/ C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Triethanolamine	Tuýp	20.000
107	Gel trị liệu nóng - lạnh giảm đau	Nước, Alcohol Denat, Glycerin, Menthol, Arnica Montana Flower Extract, Pinus Sylvestris Cone Extract, Arctium Lappa Root Extract, Lamium Album Flower Extract, Rosmarinus Officinalis (Rosemary) Leaf Extract, Anthemis Nobilis Flower Extract, Hedera Helix (Ivy) Extract, Chiết xuất Nasturtium Officinale, Chiết xuất củ Allium Sativum (Tỏi), Butylene Glycol, Vanillyl Butyl Ether, Acrylates/ C 10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Methoxypropanediol, Triethanolamine	Tuýp	4.000
108	Gel trị sẹo	Arbutin, Betaglucan, Sucralfate, axit Hyaluronic, Kẽm sulfat, Mannitol, Zanthalene	Tuýp	400
109	Gel vết thương	Purified water, Sodium chloride, Hypochlorous acid, Sodium hypochloride, Ozone, Hydroperoxyl, Singlet oxygen, Polyacrylate Crosspolymer-6, EDTA. Hộp 1 chai 25g	Tuýp	4.000
110	Hỗn hợp chất lỏng nhuận tràng, chống táo bón	Mỗi gói 15ml chứa: PEG-4000 5g Simethicon 50mg Sucrose, Acid citric, Sucralose, Polysorbat 80, Kali sorbat, Hương bạc hà, Nước tinh khiết.	Gói	4.000
111	Kem bôi da	TSN (acid tannic - Nano bạc Plasma), Cortex oroxyli extract, Pomegranate peel extract, Chitosan	Hộp/Tuýp	1.000
112	Kem bôi giảm đau trĩ	Rutin 75mg, Amoni glycyrrhizinat 75mg, lidocain 450mg, menthol 15mg, allantoin 150mg, Vitamin 375mg, Phenylephrin hydrochlorid 37,5mg Dung tích \geq 15g	Tuýp	2.000
113	Kem chống xỉ	- Thành phần: Pectin, Carboxymethylcellulose và alcohol. - Đặc tính: màu nâu sáng, dạng sệt hơi nhạt, ẩm, có chứa cồn. - \geq 60g - Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, ISO	Tuýp	2.000
114	Kẹp túi hậu môn nhân tạo.	- Chất liệu: Nhựa - Đặc tính: Thiết kế có bản lề hình cong, có thể tái sử dụng - Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, ISO	Cái	4.000
115	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng		Cái	100.000
116	Kim cánh bướm	Cỡ 23G, 25G	Cái	20.000
117	Kim luồn các cỡ		Cái	10.000
118	Mặt nạ thở khí dung	Dùng cho người lớn, trẻ em	Cái	20.000
119	Mặt nạ thở oxy có túi các cỡ	Cỡ: M, L, XL	Cái	20.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
120	Miếng dán hạ sốt	Glycerol 25% Aluminium glycolate 0.3% Menthol 0.4% Water 60% Alcohol 0.3% Dyeing agent blue 2% PVP K90 as binder 12%.	Miếng	10.000
121	Miếng dán phẫu thuật vô trùng 45x20cm	- Thành phần màng polyurethane phủ chất kết dính polyacrylate - Tính chất khác: + chất kết dính thân thiện với da + đàn hồi và dẻo dai + chống vi khuẩn, chống thấm nước. + thoát hơi nước từ da ra ngoài + trong suốt và không chói + với các cạnh giữ cho băng thân thiện với người dùng + sử dụng nguyên liệu không phải từ mũ cao su tự nhiên - Kích thước: 45x20 cm	Miếng	10.000
122	Miếng dán phẫu thuật vô trùng, 30x20cm	- Thành phần màng polyurethane phủ chất kết dính polyacrylate - Tính chất khác: + chất kết dính thân thiện với da + đàn hồi và dẻo dai + chống vi khuẩn, chống thấm nước. + thoát hơi nước từ da ra ngoài + trong suốt và không chói + với các cạnh giữ cho băng thân thiện với người dùng + sử dụng nguyên liệu không phải từ mũ cao su tự nhiên - Kích thước: 30x20 cm	Miếng	10.000
123	Natri Hyaluronat (Dạng huyền phù)	48mg/2.4ml	Ống	100
124	Natri Hyaluronat (Dạng huyền phù)	32mg/2ml	Ống	100
125	Natri Hyaluronat (Dạng huyền phù)	20mg/2ml	Ống	400
126	Natri hyaluronate 2%	40mg/2ml	Ống	400
127	Nẹp căng tay dài các cỡ (phải và trái)		Cái	400
128	Nẹp chống xoay dài H2 các cỡ		Cái	400
129	Nẹp chống xoay ngắn H1 các cỡ		Cái	400
130	Nẹp cổ cứng các cỡ		Cái	400
131	Nẹp gối H2	dài 50cm,	Cái	400
132	Nhiệt kế điện tử PT màu xanh		cái	600
133	Nước súc miệng	Chlorhexidin 0,2%, Methyl salicylat, Glycerin, Natri Flourid, Propylen... 250ml	Chai	400

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
134	Nước súc miệng	Propolis (keo ong): 0,1mg Chiết xuất trà xanh: 0,5mg Natri chloride: 9,0mg Natri flouride: 0,2mg Dung tích 350ml	Lọ	4.000
135	Nước súc miệng sát khuẩn	Chlorhexidine digluconate (0.12%) Sodium fluoride (0.05%) Dung tích \geq 500mL	Lọ	4.000
136	Nước súc miệng	Trong mỗi 250ml chứa: Chlohexidine digluconate 0.12% Sodiumfluorides 0.35% Tá dược: Sorbitol, glycerin, acid citric, sodium methyl paraben, sodium propyl paraben, sodium metabisulfit, sodium citrate, sodium saccharine, hương bạc hà, màu xanh, nước tinh khiết	Hộp/Lọ	4.000
137	Ống tiêm có kim 50ml, kim 23G		Cái	4.000
138	Que thử xét nghiệm định tính HCG		Cái	10.000
139	Sản phẩm chống dính trong ph	Gel natri hyaluronate tiệt trùng được chứa sẵn trong bom tiêm 2ml, hàm lượng 10mg/ml. Đạt tiêu chuẩn CE,CFS Anh; ISO13485. Tự tiêu trong vòng 7 ngày	Hộp/Tuýp	6.000
140	Súc họng miệng 250ml	TSN® (Phức hệ Tannic – Nano bạc Plasma), Keo ong (Propolis); 250ml	Hộp/Lọ	1.200
141	Taurine, Natri Hyaluronat, Vitamin B12	0,5%; 0,2%; 0,05%	lọ	400
142	Túi chứa dịch thải bằng phương pháp hút áp lực âm	Tấm đỡ bằng polyethylene, kèm dây nối hút dịch, kẹp đường ống. Khử trùng bằng khí EO.	Cái	1.000
143	Viên đặt	Prednisolon acetat 1mg, lidocain 60mg, allantoin 20mg, vitamin E acetat 50mg	Viên	4.000
144	Viên đặt âm đạo	Mỗi viên sáp chứa Acid lactic 167mg, natri lactat 100mg	Viên	4.000
145	Viên đặt âm đạo trị nấm	Một viên sáp chứa: Metronidazol 500mg, Neomycin sulfat 65.000 IU, Nystatin 100.000 IU, Hardfat	Viên	4.000
146	Viên đặt âm đạo trị nấm	Một viên sáp chứa: Dequalinium clorid 10mg	Viên	4.000
147	Viên đặt âm đạo trị nấm	Một viên sáp chứa Clotrimazole 100mg	Viên	2.000
148	Viên đặt âm đạo trị nấm	Một viên sáp chứa Clotrimazole 500mg	Viên	2.000
149	Viên đặt âm đạo bổ sung men lợi khuẩn	Thành phần mỗi viên sáp chứa : Lactobacillus rhamnosus 10^{10} CFU, Lactobacillus paracasei 10^{10} CFU, Lactobacillus plantarum 10^{10} CFU	Viên	10.000
150	Vớ áp lực Y khoa Gói	Thành phần : -70% Nylon Polyamide, 30% Lycra Elastane - Vớ co giãn 2 chiều. - Áp lực chuẩn phân đoạn: + Áp lực 1: 18-21 mm Hg (2,4-2,4 kPa) + Áp lực 2: 23-32 mmHg (3,1-4,3 kPa) Kích thước: - Size XS, S, M, L, XL	Hộp/1 đôi	400

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
151	Vớ áp lực Y khoa Đùi	Vớ chống thuyên tắc mạch trước, trong và sau mổ 1. Thành phần sản phẩm: -70% Nylon Polyamide, 30% Lycra Elastane Vớ Venosan co giãn 2 chiều. - Áp lực chuẩn phân đoạn: + Áp lực 1: 18-21 mm Hg (2,4-2,4 kPa) + Áp lực 2: 23-32 mmHg (3,1-4,3 kPa) 3.Kích thước: - Size XS, S, M, L, XL	Hộp/1 đôi	400
152	Vòng đệm bằng	- Là sự kết hợp hydrocolloid và dịch kết dính, sau đó được liên kết lại bằng siêu sợi. - ≥ 98 mm Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, ISO	Cái	4.000
153	Xịt họng	Keo ong, mật ong, tinh dầu bạc hà, tinh dầu chanh, tinh dầu gừng, chiết xuất lá xạ hương, chiết xuất lá khuynh diệp, chiết xuất hoa cúc, chiết xuất xuyên tâm liên Dung tích ≥ 15 mL	Lọ	4.000
154	Xịt lạnh giảm đau	Methyl Salicylat, L-menthol, Propylen glycol, Menthol, Eucalyptus oil, Tea tree oil, Ethyl Alcohol, Cassia Oil, Isopropanol, Purified water, glycerine. Chai 150ml	Chai	1.000
155	Chụp mạch huỳnh quang	Fluorescein $\geq 20\%$	Lọ/Ống	600

Tổng cộng: 155 mặt hàng

Số lượng trên chưa bao gồm tùy chọn mua thêm (nếu có) (tối đa 30%)

Phụ lục II
MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Giấy mời số /GM-BVĐK ngày 14/01/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị)

Công ty:.....
Địa chỉ :.....
Điện thoại :.....
Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ

TT	STT tại Giấy mời chào giá	Tên hàng hóa	yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Hãng và nước chủ sở hữu	Giấy chứng nhận chất lượng	Pháp lý sản phẩm	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) đã gồm VAT	Thành tiền (VNĐ)	Số Quyết định trúng thầu (tham khảo)	Ngày Quyết định trúng thầu (tham khảo)	hiệu lực trúng thầu đến ngày (nếu có)	Tên Bệnh viện/ Sở YT (tham khảo)	Công ty báo giá
1																	
2																	
3																	
Tổng số khoản:.....																	

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2025

Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển.

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.